

Ứng dụng giảng giải ẩn dụ ý niệm làm tăng hiệu quả học từ vựng trong lớp học tiếng Anh

Vũ Thị Sâm*

*TS, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Received: 29/9/2024; Accepted: 7/10/2024; Published: 14/10/2024

Abstract: According to Kövecses [3: p.3], conceptual metaphor is “a systematic set of similar attributes, or mappings, between two domains of experience”. The Source domain is formed mainly by human experience through activities of perceiving the surrounding space, affecting objects and perceiving the objective world. Therefore, the images (a specific name for concepts) of the Source domain can be understood as things that are familiar, tangible, and perceptible by the senses. The Target domain is a domain that lacks concreteness, such as thoughts, emotions, time, life, death, knowledge, etc. Concepts belonging to the Target domain are often not perceptible by the senses, we can only feel and perceive them by thinking and mind.

Keywords: Conceptual metaphor

1. Đặt vấn đề

Ẩn dụ ý niệm là một phần tự nhiên trong tư duy con người, còn ẩn dụ ngôn ngữ học là một phần tự nhiên của ngôn ngữ con người. Bản chất của ẩn dụ là hiểu và trải nghiệm loại sự vật này trên cơ sở loại sự vật khác [4, tr.5]. Do vậy việc nắm bắt được bản chất của các ẩn dụ, hiểu về nguồn gốc của ẩn dụ và cơ sở của tri nhận sẽ làm cho quá trình hiểu ngôn ngữ diễn ra một cách tự nhiên hơn và thấu đáo hơn. Ngôn ngữ học tri nhận cho rằng tinh thần của chúng ta được thể hiện thông qua việc các hệ thống ý niệm đều phụ thuộc vào: (1) những thuộc tính riêng của cơ thể con người, và (2) những yếu tố đặc thù trong môi trường vật chất và văn hóa. Do đó, các ẩn dụ ý niệm có nguồn gốc từ cơ thể con người và môi trường văn hóa. Thứ nhất, dù khác biệt về chủng tộc, con người vẫn có một cấu trúc cơ thể về căn bản giống nhau, cùng chia sẻ nhiều trải nghiệm thể chất và chức năng cơ thể giống nhau. Do có nền tảng tri nhận chung về bản thân nên các ngôn ngữ dù khác nhau cũng sẽ có những ẩn dụ ý niệm tương đương. Thứ hai, ngược lại một số ẩn dụ lại không có tính phổ niệm. Chúng ta có thể lý giải rằng dù các ánh xạ ẩn dụ phần lớn bắt nguồn từ trải nghiệm thể chất thì việc lựa chọn trải nghiệm thể chất nào lại phụ thuộc vào tri thức và cách lý giải của từng nền văn hóa. Như vậy các trải nghiệm thể chất chung đã được “lọc” bởi văn hóa trước khi có thể phát sinh và chiếu xạ ẩn dụ lên những khái niệm trừu tượng. Nói tóm lại, ẩn dụ có cơ sở từ trải nghiệm thể chất nhưng lại được định hình bằng yếu tố văn hóa với chức năng là bộ lọc để

chọn ra những khía cạnh trải nghiệm cảm giác và kết nối chúng với những trải nghiệm chủ quan đồng thời đánh giá xem ánh xạ ẩn dụ nào phù hợp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giảng giải Ẩn dụ ý niệm trong quá trình giảng dạy từ vựng

Như trên đã nêu, một trong những lý do tại sao người học ngoại ngữ cần phải nhận thức về ẩn dụ là vì ẩn dụ mang dấu ấn riêng biệt về văn hóa. Deignan và các đồng tác giả [6] cho rằng ngôn ngữ nói của người học ngoại ngữ nghe không giống người bản ngữ là do họ không sử dụng ẩn dụ. Xét trên bình diện dạy học, nếu người học được hướng dẫn rõ ràng về ẩn dụ trong tiếng Anh, bao gồm việc so sánh đối chiếu về nguồn gốc văn hóa của ẩn dụ tiếng Anh với ẩn dụ có trong tiếng mẹ đẻ, thì khả năng học từ vựng, khả năng đọc hiểu và khả năng nhớ từ của người học sẽ được cải thiện rõ rệt. Các công trình của Boers [1], Littlemore và các tác giả [6] đã chứng minh cho luận điểm này.

Thực tế việc giảng dạy và học tiếng Anh hiện nay hầu hết gắn việc giảng dạy từ mới theo cụm hoặc theo chuỗi từ, và nhấn mạnh và cấu trúc sử dụng cùng với thực hành, mà bỏ qua không nhắc đến các bình diện văn hóa của một yếu tố ngôn ngữ, không đề cập đến các yếu tố mang tính hệ thống gắn với yếu tố ngôn ngữ ấy. Chính vì thế mà khi gặp khó khăn, thì người học ngoại ngữ ở trình độ thấp thường bỏ qua, còn người học có trình độ cao thường có xu hướng tham khảo các từ điển đồng nghĩa, những thường cũng không có kết quả tích cực vì các mục giải thích

thường được trình bày không có trật tự và có tính hệ thống. Bên cạnh đó, các tài liệu giảng dạy tiếng Anh cơ bản đều hầu như không đề cập đến cơ sở ý niệm của đơn vị ngôn ngữ trong bài học; các tác giả cũng ít cố gắng giải thích mối liên hệ hoặc sự khác biệt giữa các yếu tố ngôn ngữ. Theo Low [5], hậu quả là, người học không được hướng dẫn lúc nào có thể sử dụng một biểu thức ngôn ngữ, không được giải thích về khả năng mở rộng hay tính chất hạn định của biểu thức ấy, hay không nhận thức được các bình diện nào của lĩnh vực đích được lĩnh vực nguồn làm nổi bật. Tóm lại, ẩn dụ vẫn chưa có được sự quan tâm đúng mức trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ.

2.2. Một số phương pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả học từ vựng trên cơ sở ADYN

ADYN là sự phản ánh của một loạt các mô hình tư duy mang tính đồ chiếu của con người, sử dụng những kiến thức thực tế và trải nghiệm, từ đó phản ánh lại trong ngôn ngữ. Do đó khi giảng dạy, giáo viên có thể cung cấp trước một số mô hình đồ chiếu phổ biến như “up is more, down is less”, “up is better, down is worse”; “sweet is good, bitter is bad”... nhằm giúp người học tập tư duy theo ADYN, từ đó dễ dàng tìm ra nghĩa của từ.

Ví dụ 1: trong các bài học về ngữ động từ (phrasal verb) trong tiếng Anh, các tài liệu hoặc sách giáo trình thường chỉ đưa ra giải thích ngắn gọn bằng một cụm từ dễ hiểu hơn cùng với một ví dụ, và giáo viên thường thuật lại bằng tiếng Việt:

—They put up the price on that model by five dollars. (Họ tăng giá mẫu hàng đó thêm 5 đôla).

—They brought their children up in the countryside. (Họ nuôi lớn bọn trẻ ở quê).

—Production went up at the plant by 15 percent. (Sản xuất của nhà máy tăng 15%).

—The car sped up and passed the slow driver. (Chiếc xe tăng tốc và vượt qua tên tài xế chậm chạp).

—Turn down that horrible music! (Tắt cái thứ nhạc kinh khủng đó đi!).

—Please keep the noise down in this room! (Làm ơn bớt ồn ào một chút trong phòng).

—It's really cooled down these past few days. (Mấy ngày vừa rồi trời mát thật).

—Computer prices have really come down recently. (Giá máy tính gần đây đã xuống nhiều)

Trong các ví dụ trên, có thể thấy rõ tiêu từ “up” và “down” trong tổ hợp từ luôn có nghĩa là tăng hay giảm về kích cỡ, số lượng hay sức mạnh, và đó chính là cơ sở mapping (đồ chiếu/ánh xạ) của ADYN “

more is up – less is down”. Như vậy, giáo viên chỉ cần giải thích cho học viên hiểu ẩn dụ ý niệm “more is up – less is down” và cung cấp một số ví dụ chứng minh thì học viên sẽ không cần phải nhớ thuộc lòng nghĩa của các tổ hợp này nữa. Ngoài ra khi gặp các ngữ động từ khác cũng có tiêu từ “up” hay “down” thì khả năng suy luận của học viên để hiểu đúng về nghĩa của cụm từ cũng tăng lên nhiều. Người dạy có thể cung cấp cho người học những cặp câu song ngữ Anh-Việt có chứa những cấu trúc ẩn dụ để người học nhìn ra sự tương đồng và khác biệt trong hai ngôn ngữ và nghiệm ra các nghĩa của từ đó. Sau đó người dạy hướng cho người học tìm ra những sự chuyên đi ý niệm để ghi nhớ nghĩa của từ tốt hơn.

Ngoài ra, để khuyến khích người học suy nghĩa về nghĩa của từ dựa trên ý nghĩa văn hóa, giáo viên cũng cần cung cấp tri thức văn hóa và sơ đồ tư duy để dễ dàng cho quá trình ánh xạ ý niệm.

Ví dụ 2: sơ đồ tư duy của ánh xạ ý niệm SỰ NGHIỆP LÀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG có thể được mô phỏng như sau:

| CÔNG TRÌNH | ĐƯỜNG ĐI CỦA ÁNH XẠ | SỰ NGHIỆP |
|--|---|---------------------------------|
| Được xây dựng | >>>>>>> | Hình thành sự nghiệp (build up) |
| Sụp đổ | >>>>>>> | Thất bại (ruin, collapse) |
| Mở rộng | >>>>>>> | Phát triển (expand) |
| Nền móng công trình | >>>>>>> | Nền tảng sự nghiệp |
| Nóc, trần của tòa nhà | >>>>>>> | Đỉnh cao của sự nghiệp |
| VD: Trong tiếng Anh | Tạm dịch tiếng Việt | |
| Her career was in ruins | Sự nghiệp của bà ấy đã sụp đổ/ đổ vỡ | |
| Government grants have enabled a number of the top names in British sport to build up successful careers | Những khoản trợ cấp của chính phủ đã cho phép những tên tuổi đỉnh cao trong làng thể thao nước Anh được phát triển sự nghiệp rực rỡ | |
| His career suddenly collapsed because of the corruption affair.. | Sự nghiệp của anh ấy bỗng chốc sụp đổ vì vụ bê bối tham nhũng | |

Điều này đặc biệt hữu ích đối với những từ /ngữ/ thành ngữ có tính đặc thù văn hóa cao. Trong một số trường hợp do sự khác biệt ngay trong miền ý niệm nguồn xuất phát từ những khác biệt về văn hóa, học viên sẽ gặp khó khăn hơn nhiều so với những thành ngữ mà miền ý niệm nguồn giống nhau giữa hai nền văn hóa. Chính vì vậy, việc giáo viên dạy ngoại ngữ cung cấp thêm tri thức văn hóa về những lĩnh vực mà học viên của mình không biết sẽ giúp học viên đáng kể.

Ví dụ 3: Đa số người Việt học tiếng Anh sẽ hiểu được ý nghĩa của cụm từ “ceiling tax”, vì nó tương đương về mặt tư duy với từ “giá trần” trong tiếng

Việt. Tuy nhiên, học sinh không dễ dàng hiểu được ý nghĩa của thành ngữ “on the cloud nine nếu không được giải thích về căn nguyên văn hóa: Theo truyền thuyết, tầng mây thứ 9 là nơi cao nhất và hạnh phúc nhất trên Thiên đường. Chính vì vậy, on cloud nine nghĩa là hạnh phúc ngập tràn, cảm giác thỏa mãn, vui vẻ khiến người nói như đang bay trên chín tầng mây!

Ever since Mary got her promotion at work, she's been on cloud nine. (Từ khi Mary được thăng chức, cô ấy hạnh phúc như đang trên chín tầng mây vậy.)

Từ đó cho thấy, nếu được giảng giải về các cấu trúc ý niệm nằm sau các cấu trúc thành ngữ thì người học sẽ có khả năng suy nghĩa và nhớ những từ, ngữ hoặc thành ngữ lâu hơn. Bên cạnh đó, các phương pháp giảng dạy dựa trên cơ sở khai thác ẩn dụ ý niệm không chỉ giúp học viên học từ vựng tốt hơn mà còn giúp cho hoạt động học tập trở nên hứng thú hơn và hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Tóm lại, việc tăng cường sự quan tâm của các giáo viên ngoại ngữ đối với tầm quan trọng của ẩn dụ ý niệm trong quá trình giảng dạy là một việc cần thiết. Bài viết này dựa trên trải nghiệm cá nhân của tác giả, vì những giá trị mà ẩn dụ ý niệm đem lại trong cách mà người học tư duy về ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng, cũng như những áp dụng trong quá trình giảng dạy thực tế. Tác giả từ đó

mong muốn sẽ có những thay đổi về cách dạy ngoại ngữ qua việc phân tích ADYN nhằm nâng cao nhận thức của người học về vốn từ vựng, vốn kiến thức văn hóa nâng cao khả năng đọc hiểu và sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên của người học. Trên một bình diện rộng hơn, việc tích hợp giảng dạy ẩn dụ trong các chương trình học ngoại ngữ sẽ có thể nâng cao khả năng phát triển năng lực ý niệm và năng lực giao tiếp của người học.

Tài liệu tham khảo

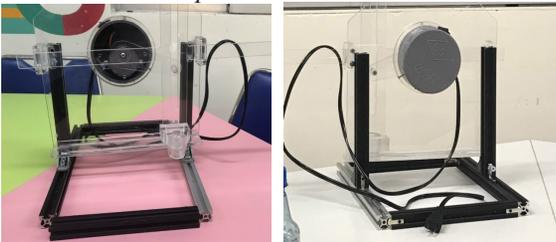
1. Boers, F. (2000). “Metaphor Awareness and Vocabulary Retention”, *Applied Linguistics*, 21.4: 553–571.
2. Kövecses, Z. (2010), *Metaphor: A practical Introduction*. Oxford: Oxford University Press
3. Lakoff, G. & M. Johnson (1980), *Metaphors We Live by*. London: University of Chicago Press.
4. Low, G. (1988), “On teaching metaphor”, *Applied Linguistics*, 9, 2: 125-147
5. Littlemore, J. (2001), “The Use of Metaphor in University Lectures and the Problems that it Causes for Overseas Students”, *Teaching in Higher Education*, 6, 3: 333–349
6. Lê Lâm Thi, Đỗ Thị Xuân Dung (2022), *Ẩn dụ ý niệm “CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG” trong tiếng Anh và tiếng Việt*. Ngôn ngữ và Đời sống, số 2 (322)-2022, trang 29-40.

Thiết kế và chế tạo mô hình thể hiện... (tiếp theo trang 17)

Bước 6: Lắp ráp các bộ phận để tạo thành mô hình hoàn chỉnh.

Bước 7: Chạy lần cuối và chỉnh sửa các chi tiết.

2.3.2. Mô hình sản phẩm



https://youtu.be/7mG32_yW40o?si=CtYVV7i2eHeAs-Fe

3. Kết luận

3.1. Kết luận khoa học về câu hỏi nghiên cứu:

Vận chuyển động tròn đều có mối liên hệ chặt chẽ với dao động điều hòa. Khi chuyển động tròn càng nhanh, các dao động sẽ nhanh hơn, hình thành nên một đồ thị toạ độ đẹp mắt. Cơ chế của mô hình khi vật thực hiện được các vòng quay sẽ được phản chiếu qua dao

động của bi quay.

3.2. Kết luận khoa học về vấn đề nghiên cứu:

Vấn đề nghiên cứu đưa ra được làm rõ bằng các tài liệu về chuyển động tròn đều và giao động điều hòa.

3.3. Kết luận khoa học về giả thuyết:

Mô hình đã mô tả được mối liên hệ của chuyển động tròn đều và dao động điều hoà một cách trực quan, sinh động giúp học sinh cấp 3 hiểu rõ hơn về chủ đề này.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Nguyễn Thành Vinh (2023). *Sách giáo khoa Vật Lý 11*. NXBGDVN. Hà Nội
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Sách giáo khoa công nghệ 9*. NXBGDVN. Hà Nội
3. NVH_creation (2021) (*Khám Phá & Sáng Tạo*) - *Tận dụng mô tơ quay chậm 220v*.
4. Vũ Văn Hùng (2018); *Sách giáo khoa chuyên đề Vật Lý 10*. NXBGDVN. Hà Nội
5. Vật lý phổ thông (2023), *Giao động điều hòa và chuyển động tròn đều*. NXBGDVN. Hà Nội